

Bản án số: 57/2022/HS - ST
Ngày: 08/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Long
2. Ông Nguyễn Ngọc Bích

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2022/TLST- HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2022/HSST – QĐ ngày 31/3/2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2022/QĐXXST – HS ngày 24 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Nguyễn Minh C**, (tên gọi khác: Châu), sinh ngày 13 tháng 7 năm 1990 tại B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu vực A, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1961 (không rõ cha); chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 04/6/2021, “Có mặt”.

2/ Họ và tên: **Phạm Đức T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 23 tháng 02 năm 1972 tại TP. Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: L35 F, Phường U, Quận O, TP. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên văn phòng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức M, sinh năm 1941 (đã chết) và bà Đỗ Thị Kim L, sinh năm 1942; có vợ tên Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1977 và có 01 con chung sinh năm 2005; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 03/6/2021, “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau: Khoảng đầu tháng 5 năm 2021, Phạm Đức T liên lạc bằng Zalo với Nguyễn Minh C hỏi mua ma túy đá. C đồng ý và hẹn tới khách sạn Panda số 36, đường 6B, khu S, phường E, Hện M để giao dịch. T điều khiển xe mô tô biển số 54Z2 – 2XXX tới Khách sạn Panda gặp C và đưa số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng rồi nhận ma túy và cất giấu ma túy trong hộp kim loại màu xanh - trắng rồi để trong túi vải màu xám và cất trong cốp xe gắn máy để sử dụng dần. Khoảng cuối tháng 5 năm 2021, T đã sử dụng số ma túy đá sắp hết nên đã liên lạc qua Zalo với C để mua thêm ma túy. C hẹn tới khách sạn Việt Điền số 50 đường số Y, khu dân cư L, phường E, Hện M. T tới khách sạn Việt Điền gặp C đưa số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng rồi nhận ma

túi và cất giấu cùng với gói ma túy cũ trong túi vải màu xám và cất trong cốp xe mô tô 54Z2 – 2XXX. Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 02/6/2021, Phạm Đức T được một người bạn tên H (không rõ lai lịch) liên lạc rủ T qua Phòng 102 của khách sạn Sạch số 214 Dương Bá Trạc, Phường 2, Quận 8 để sử dụng ma túy đá chung. Sau đó, T điều khiển xe máy biển số 54Z2 – 2XXX đi đến khách sạn Sạch và được H dẫn lên Phòng 102, lúc này T cầm theo túi vải màu xám đựng hộp kim loại màu xanh – trắng chứa 02 (hai) gói ma túy đá đã mua trước đó của Nguyễn Minh C. Tại Phòng 102 T sử dụng ma túy đá chung với H. Sau khi sử dụng xong ma túy với H, T biết C ở Phòng 202 khách sạn này nên nói H lên phòng 202 của C trước rồi T lên sau. Sau khi T lên thì H đã rời khỏi, lúc này nhân viên khách sạn cũng yêu cầu C làm thủ tục trả phòng. C nhờ T chở về nơi trọ trước đây của C, T đồng ý và xuống lấy xe máy, đồng thời lấy túi vải màu xám đựng hộp kim loại màu xanh – trắng chứa 02 (hai) gói ma túy đá lúc trước dùng còn lại và 01 (một) bịch nylon bên trong có đựng bình hút ma túy đá cất vào cốp xe, sau đó điều khiển xe chở C về đến trước số 40 D, Phường K, Quận N thì bị Công an Phường 2, Quận 4 tuần tra kiểm tra phát hiện T cất giấu ma túy trên đưa T, C cùng tang vật về trụ sở Công an Phường 2, Quận 4 để lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ 02 (hai) gói ma túy đã mua 02 (hai) lần của T.

Đối với người bán ma túy cho Nguyễn Minh C là 01 (một) người đàn ông tên P và 01 (một) người phụ nữ tên N không xác minh được nhân thân lai lịch nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với đối tượng tên H sử dụng ma túy chung với T tại khách sạn, qua lời khai của T và C không xác định được nhân thân lai lịch của H cũng N số điện thoại nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý.

Tại bản kết luận giám định số 3716/KLGD – H ngày 11/6/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự – Công an TP. Hồ Chí Minh, xác định: 02 (hai) gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Phạm Đức T, Nguyễn Minh C, Lê Công Vượng (điều tra viên) và hình dấu Công an Phường 2, Quận 4, bên trong gồm: Gói 01: Tinh thể không màu trong 01 (một) gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,1333g (không phải một ba ba ba) gam, loại Methamphetamine; Gói 02: Tinh thể không màu trong 01 (một) gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,5772g (không phải năm bảy bảy hai) gam, loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số 173/CT - VKS ngày 18/11/2021 Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 truy tố bị cáo Nguyễn Minh C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Truy tố bị cáo Phạm Đức T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Minh C và Phạm Đức T có lời khai thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, Kết luận điều tra và Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Minh C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo Phạm Đức T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Minh C

từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo C và T.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy N sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Quận 4, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng N tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình N bản cáo trạng đã nêu. Qua lời khai của các bị cáo, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án N kết luận giám định có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng đầu tháng 5 năm 2021 và cuối tháng 5 năm 2021 (trước khi bị bắt một tuần) bị cáo Nguyễn Minh C đã có hành vi 02 (hai) lần bán ma túy loại Methamphetamine cho bị cáo Phạm Đức T để cất giấu sử dụng cho bản thân. Lần 01 (một) bị cáo C bán ma túy cho bị cáo T có khối lượng 0,1333g (không phải một ba ba ba) gam, loại Methamphetamine, lần 02 (hai) bị cáo C bán ma túy cho bị cáo T có khối lượng 0,7105g (không phải bảy một không năm) gam ma túy, loại Methamphetamine nên hành vi của bị cáo Nguyễn Minh C đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và hành vi của bị cáo Phạm Đức T đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 đối với hành vi của các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Đây là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn khác, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình bị pháp luật nghiêm cấm Nng vẫn cố ý thực hiện. Về nhân thân các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự Nng cần có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo mới tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên khi lượng hình có xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử quyết định phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Minh C, số tiền phạt là 10.000.000 (mười triệu) đồng để thu nộp ngân sách nhà nước

theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Xét, đối với số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, đây là tiền mà bị cáo C có được do 02 (hai) lần bán ma túy cho bị cáo T. Xét, đây là khoản tiền thu lợi bất chính nên buộc bị cáo C phải nộp lại, để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 02 (hai) gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Phạm Đức T, Nguyễn Minh C, Lê Công Vượng (điều tra viên) và hình dấu Công an Phường 2, Quận 4, bên trong gồm: 01 (một) gói niêm phong có khối lượng 0,0791g (không phải không bảy chín một) gam, ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine; 01 (một) gói niêm phong có khối lượng 0,4608g (không phải bốn sáu không tám) gam, ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, là tang vật ma túy thu giữ còn lại sau giám định. Xét, ma túy là chất độc hại không sử dụng được và cấm lưu hành nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) túi vải màu xám bên trong có 01 (một) hộp kim loại màu xanh – trắng là tài sản của T dùng để cất giấu ma túy. Xét, đây là tang vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) bình thủy tinh, 01 (một) ống thủy tinh (một đầu ống có dạng phễu tròn), đã qua sử dụng là dụng cụ của bị cáo T dùng để sử dụng ma túy. Xét, đây là tang vật không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A31 màu đen, Imei 1: 3545651155XXXXX, Imei 2: 3545661155XXXXX là tài sản của T, sử dụng liên lạc với C để mua ma túy. Xét, đây là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) xe máy hiệu Honda Wave RS màu xanh – đen biển số 54Z2 – 2XXX, số khung: RLHHC12388Y34XXXX, số máy: HC12E – 207XXXX. Qua xác minh, giấy đăng ký xe máy mang tên Phạm Đức Toàn, sinh năm 1967, hộ khẩu thường trú: L35 A, Phường B Quận X, TP. Hồ Chí Minh, (là anh ruột của bị cáo T, đã mất tháng 01/2021), qua lời khai của bị cáo T, do bị cáo không có xe đi làm nên anh ruột là Toàn đã cho bị cáo chiếc xe trên. Bị cáo quản lý và sử dụng xe cho đến khi bị cáo cất giấu ma túy ở trong cốp xe và bị bắt quả tang. Tại biên bản lấy lời khai của bà Phạm Quỳnh N, sinh năm 1965, hộ khẩu thường trú: L35 A, Phường B Quận X, TP. Hồ Chí Minh, (bà N là chị ruột của Toàn và bị cáo T), bà N trình bày: Bà N xác nhận chiếc xe trên của em ruột bà tên là Toàn, do Toàn thấy T không có xe đi làm nên đã cho chiếc xe trên và bàn giao giấy tờ xe cho T quản lý sử dụng (do là anh em ruột nên không làm thủ tục sang tên xe), Toàn hiện đã chết, gia đình không có ai tranh chấp gì về chiếc xe trên. Xét, chiếc xe gắn máy trên là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu vàng đồng, màn hình điện thoại bị vỡ, Imei 1: 357625/08/511785/4. Imei 2: 357651/08/511785/0. C khai là tài sản cá nhân, có dùng để liên lạc bán ma túy cho T. Xét, đây là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) túi xách màu nâu đã qua sử dụng, là tài sản dùng để đựng đồ cá nhân của T dùng. Xét, đây là tài sản cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội nên giao trả lại cho Phạm Đức T.

- 01 (một) máy tính bảng hiệu Samsung màu xanh, Imei: 353919110597576, đã qua sử dụng, T dùng để chơi game. Xét, đây là tài sản cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội nên giao trả lại cho Phạm Đức T.

[6] Về án phí HSST: Mỗi bị cáo Phạm Minh C, Nguyễn Đức T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Nguyễn Minh C 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 04 tháng 6 năm 2021.

Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Phạm Đức T06 (sáu) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 03 tháng 6 năm 2021.

Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Minh C 10.000.000 (mười triệu) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) gói được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Phạm Đức T, Nguyễn Minh C và hình dấu Công an Phường 2, Quận 4, điều tra viên Lê Công Vượng, bên trong chứa chất ma túy còn lại sau giám định; 01 (một) túi vải màu xám bên trong có 01 (một) hộp kim loại màu xanh – trắng, 01 (một) bình thủy tinh, 01 (một) ống thủy tinh (một đầu ống có dạng phễu tròn), tất cả đã qua sử dụng.

+ Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe gắn máy hiệu Honda Wave RS màu xanh – đen, biển số 54Z2 – 2XXX, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A31 màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu vàng đồng, mặt kính bị bể, đã qua sử dụng.

+ Giao trả lại Phạm Đức T: 01 (một) máy tính bảng hiệu Samsung màu xanh, đã qua sử dụng, Nng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án; 01 (một) túi xách màu nâu đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 65 ngày 05/01/2022 giữa Công an Quận 4 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4).

+ Buộc bị cáo Nguyễn Minh C phải nộp lại số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo Nguyễn Minh C và Phạm Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; (2)
- CA TP.HCM ; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 4; (2)
- Công An Quận 4; (1)
- Trại tạm giam PC- 81B (1)
- Chi cục THADS Quận 4; (1)
- Chi cục THAHS Quận 4; (3)
- Lưu VT, hồ sơ. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Thúy

